

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78 /2020/HS-ST**

Ngày 24-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Bình Định và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2020/TLST- HS ngày 23 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Đầu Anh T (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1991 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đầu Thái A và bà Phạm Thị T1. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị H và có một con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Lịch sử bản thân:

+ Ngày 25/6/2008 bị TAND TP. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”, thi hành xong phần án phí và bồi thường dân sự ngày 07/11/2008, ngày 27/2/2010 thi hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 27/2/2015 bị TAND quận Cầu Giấy xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thi hành xong án phí vào ngày 27/02/2015, đến ngày 01/12/2016 được đặc xá.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/9/2020 chuyển tạm giam từ ngày 08/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Bị hại: Anh Phạm Văn B – sinh năm 1981; trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T1 – sinh năm 1966; trú tại: Tiểu khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng: Cháu Phạm Trọng A1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu Anh T là người không có nghề nghiệp ổn định. Ngày 21/8/2020, T đi xe khách từ TP. Hồ Chí Minh về bến xe K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đến khoảng 00 giờ ngày 22/8/2020, T đi bộ lang thang gần bến xe K và phát hiện nhà anh Phạm Văn B, sinh năm 1981, trú tại xóm 1, xã K, huyện K cửa chính không đóng chỉ khóa cổng phía ngoài, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T trèo qua tường bao vào trong nhà, T lục tìm tài sản ở tầng một. T quan sát thấy trên bàn ăn tại tầng một có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS loại vivobook, chip core I 5, ram 4G, tiếp đó T mở ngăn tủ để bàn thấy 01 điện thoại di động Iphone 6 dung lượng 32GB, màu vàng, T tiếp tục lục tìm trong túi quần dài treo trên móc quần áo thấy có 01 ví da nam màu nâu có dòng chữ “LEXUS”, trong ví có các giấy tờ tùy thân mang tên Phạm Văn B và số tiền 1.100.000đồng. Sau đó, T quay ra thấy phía trên chiếc lục bình có 01 đồng hồ đeo tay nam dây bằng kim loại màu bạc trên mặt đồng hồ có chữ “ROLEX”. T lấy tất cả các tài sản trên bỏ vào ba lô T đã mang theo để đựng quần áo trên người, rồi trèo theo lối tường bao đã vào từ trước để ra ngoài. T tiếp tục đi lang thang ở khu vực bến xe K, đến gần 4 giờ sáng T bắt xe khách vào TP. Hồ Chí Minh. Tại đây, T đã bán chiếc laptop Asus và chiếc điện thoại Iphone 6 tại một cửa hiệu không rõ tên và địa chỉ được 1.500.000đồng cùng với số tiền 1.100.000đồng T lấy trong ví đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 04/9/2020, T bắt xe khách từ TP. Hồ Chí Minh về thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. Tại đây, T đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 18R1-6708. Sau khi trộm cắp được xe mô tô trên, T điều khiển xe đi vào TP. Hồ Chí Minh. Đến khoảng 18 giờ ngày 06/9/2020, trên đường đi khi qua phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, T phát hiện nhà anh Lê Bá H1, SN 1983, trú tại phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa không có ai ở trong nhà, cửa cổng và cửa nhà không khóa, T đi vào trong phòng khách tìm tài sản để trộm cắp thì bị anh H1 phát hiện và bắt giữ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 48/HĐĐG ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K kết luận: 01 đồng hồ đeo tay nam bằng kim loại màu trắng trên mặt đồng hồ có chữ “Rolex” có giá trị còn lại là 1.166.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 loại 32GB, màu vàng có giá trị còn lại là 1.320.000đồng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS có giá trị còn lại là 3.734.000đồng; 01 ví da nam có giá trị còn lại là 452.700đồng, tổng giá trị tài sản bị xâm hại có giá trị là 6.672.700đồng và số tiền trong ví là 1.100.000đồng. Như vậy, Đầu Anh T đã chiếm đoạt tổng số tài sản và tiền của anh B là 7.772.700 đồng. (Bảy triệu bảy trăm bảy hai nghìn bảy trăm đồng)

Quá trình điều tra, Đầu Anh T đã thành khẩn khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Cáo trạng số 81/CT – VKS ngày 19 tháng 11 năm 2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Đầu Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đầu Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đầu Anh T từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 07 tháng 9 năm 2020.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự xử lý như sau:

01 ví da, 01 đồng hồ đeo tay, 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn B, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 đều mang tên Phạm Văn B. Đây là những tài sản thuộc sở hữu của anh B và những giấy tờ tùy thân của anh B Nay cần trả lại cho anh B là đúng quy định pháp luật.

01 căn cước công dân mang tên Đầu Anh T đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo như nội dung bản cáo trạng, bị cáo khai: Buổi chiều ngày 21 tháng 8 năm 2020 bị cáo đi xe khách về bến xe K, huyện K. Lang thang tại khu vực gần bến xe đến khoảng 00 giờ ngày 22 tháng 8 năm 2020 phát hiện một nhà dân ở gần khu vực bến xe cổng ngoài khóa nhưng cửa nhà mở. Bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên đã trèo qua tường bao vào trong nhà người dân và lục tìm tài sản. Tại tầng 1 bị cáo đã lục tìm và lấy một số tài sản gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS loại vivobook, chip core I 5, ram 4G, 01 điện thoại di động Iphone 6 dung lượng 32GB, màu vàng, 01 ví da nam màu nâu có dòng chữ “LEXUS”, trong ví có các giấy tờ tùy thân mang tên Phạm Văn B và số tiền 1.100.000đồng. 01 đồng hồ đeo tay nam dây bằng kim loại màu bạc trên mặt đồng hồ có chữ “ROLEX”. T lấy tất cả các tài sản trên bỏ vào ba lô T đã mang theo để đựng quần áo trên người, rồi trèo theo lối tường bao đã vào từ trước để ra ngoài

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và phù hợp với các vật chứng đã thu giữ và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 22 tháng 8 năm 2020 tại nhà của anh Phạm Văn B ở xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của chủ sở hữu. Đầu Anh T đã có hành vi lén lút trộm cắp một đồng hồ đeo tay nam bằng kim loại màu bạc 01 Điện thoại di động

nhãn hiệu Iphone 6 loại 32GB màu vàng, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS; 01 ví da nam bên trong có số tiền là 1.100.000đ cùng các giấy tờ tùy thân mang tên Phạm Văn B. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 7.772.700đ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Việc Đầu Anh T đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của nhà anh B đã lén lút đột nhập vào nhà anh B để lấy trộm tài sản. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án có tính nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ mình trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân vị trí vai trò của từng bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đầu Anh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội và bị phát hiện bị cáo đã tác động đến gia đình để tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh Phạm Văn B. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Anh Phạm Văn B có đơn đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cáo. Do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội nghiêm trọng, sau khi trộm cắp tài sản tại địa bàn xã K, bị cáo lại tiếp tục lang thang và trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện G, tỉnh Nam Định. Chưa dừng lại ở việc đó, đến ngày 07 tháng 9 năm 2020 bị cáo lại tiếp tục thực hiện việc trộm cắp tài sản ở Thanh Hóa nhưng không thành và bị bắt giữ. Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc là áp dụng mức hình phạt là tù có thời hạn đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo để các bị cáo có thời gian nhận thức được hậu quả hành vi phạm tội của mình đồng thời có tác dụng giáo dục đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Mẹ bị cáo Đầu Anh T là bà Phạm Thị T1 đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại về chiếc máy tính xách tay, chiếc điện

thoại Iphone 6 và số tiền 1.100.000đồng cho anh B, anh B đã nhận đủ không yêu cầu thêm về khoản tiền nào nữa có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đầu Anh T.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp:

01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, BKS 18R1 6708 T trộm cắp tại thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã bàn giao chiếc xe mô tô nói trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Nam Định để điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Do Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự xử lý như sau:

01 ví da, 01 đồng hồ đeo tay thuộc quyền sở hữu của người bị hại anh Phạm Văn B; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 đều mang tên Phạm Văn B. Đây là những giấy tờ tùy thân của anh B. Tại phiên tòa anh B đề nghị được xin lại. Nên nay cần trả lại cho anh B là đúng quy định pháp luật.

01 căn cước công dân mang tên Đầu Anh T đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị Đầu Anh T phạm tội: Trộm cắp tài sản

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đầu Anh T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 07 tháng 9 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

Trả lại cho anh Phạm Văn B: 01 ví da màu nâu, 01 đồng hồ đeo tay Rolex bằng kim loại, 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn B, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Phạm Văn B.

Trả lại cho bị cáo Đầu Anh T 01 căn cước công dân mang tên Đầu Anh T.

(Chi tiết vật chứng có đặc giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đầu Anh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/12/2020), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Bị cáo.
- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh